

Bản án số: 06/2026/KDTM-ST

Ngày: 25- 5 - 2026

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Hưng

Bà Hồ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2026/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79A/2026/QĐXXST-KDTM ngày 13/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2026/QĐST-KDTM ngày 07/5/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP B; trụ sở: số A đường Q, phường T, tỉnh N.

Đại diện theo pháp luật: Bà Thái H - chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh T - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q.

Người được uỷ quyền lại:

- Ông Bùi Huy H1 - Trưởng phòng Kinh doanh Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q; có mặt.

- Bà Nguyễn Thu T1 - Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q; có mặt.

*** Bị đơn:**

- Ông Nguyễn Đắc T2, sinh năm: 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ

D, khu C, phường H, tỉnh Q; vắng mặt không có lý do.

- Bà Trương Thu H2, sinh năm: 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ C, khu phố Y, phường H, tỉnh Q; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 06/02/2024, Ngân hàng TMCP B (viết tắt là B1) và ông Nguyễn Đắc T2, bà Trương Thị Thu H2 ký Hợp đồng tín dụng số 0000428680/2024/HĐTD-BacABank thỏa thuận B1 cho ông T2, bà H2 vay số tiền theo hạn mức cấp tín dụng là 3.000.000.000đ (ba tỉ đồng), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cây cảnh; thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đến hết ngày 06/02/2025; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7,29%/năm; nợ gốc trả cuối kì mỗi khế ước nhận nợ; nợ lãi trả vào ngày mùng 10 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T2, bà H2 thế chấp tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 310 tờ bản đồ số 27 tại địa chỉ: tổ C, khu C, phường C, thành phố H, tỉnh Q (nay là tổ C, khu C, phường C, tỉnh Q) mang tên ông T2, bà H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0000318187.1/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 29/9/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐ 01-0000368187/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 06/02/2024.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số (59+64)B tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ: tổ F, khu E, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ F, khu C, phường C, tỉnh Q) mang tên ông T2, bà H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0000368187.2/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 29/9/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số (59+64)A tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ: tổ F, khu E, phường C, thành phố C, tỉnh Q (nay là tổ F, khu C, phường C, tỉnh Q) mang tên ông T2, bà H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0000318187.3/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 29/9/2022.

Thực hiện hợp đồng, B1 giải ngân số tiền theo hạn mức tín dụng cho ông T2, bà H2 theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 07/02/2024, thời hạn vay 05 tháng từ ngày 08/02/2024 đến ngày 07/7/2024. Đến ngày 18/3/2024, ông T2, bà H2 thanh toán trước hạn số tiền 2.160.000.000 đồng, dư nợ còn là 840.000.000 đồng, rút 02 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số (59+64)B tờ bản đồ số 23 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số (59+64)A tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ: tổ F, khu E, phường C, thành phố C, tỉnh Q (nay là tổ F, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh). Ngày 11/7/2024, Khế ước nhận nợ số 1 hết hạn, B1 ký Khế ước nhận nợ số 02-0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ghi nhận số tiền nợ của ông T2, bà H2 là 840.000.000 đồng. Sau đó, ông T2 và bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển quá hạn kể từ ngày 10/11/2024. Vì vậy, B1 khởi kiện yêu cầu:

- Chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 06/02/2024 Ngân hàng TMCP B và ông Nguyễn Đắc T2, bà Trương Thu H2.

- Buộc ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng số 0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 06/02/2024 và Khế ước nhận nợ số 02-0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 10/7/2024 tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 919.179.419 đồng.

- B1 được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 310 tờ bản đồ số 27 tại địa chỉ: tổ C, khu C, phường C, thành phố H, tỉnh Q (nay là tổ C, khu C, phường C, tỉnh Q) mang tên ông T2, bà H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 000038187.1/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 29/9/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐ 01-0000368187/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 06/02/2024, để thu hồi nợ.

* Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án.

* Kết quả xem xét thẩm định tài sản thế chấp: thửa đất số 310, tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: tổ C, khu C, phường C, thành phố H, tỉnh Q (nay là tổ C, khu C, phường C, tỉnh Q) mang tên ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả đo đạc đều có diện tích là 137,19m²; trên đất không có tài sản.

Tại phiên tòa, B1 rút yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số: 0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 06/02/2024, do thời hạn hợp đồng đã hết từ tháng 02/2026; buộc ông T2, bà H2 trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2026) là 990.544.199 đồng, trong đó nợ gốc là 840.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9.709.969 đồng, nợ lãi quá hạn là 139.373.260 đồng, lãi phạt là 1.460.970 đồng.

Bị đơn ông T2, bà H2 vắng mặt nên không có quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 196, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 116, 117, 119, 295, 296, 298, 317, 319, 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B:

+ Đình chỉ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số: 0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 06/02/2024 giữa Ngân hàng TMCP B và ông Nguyễn Đắc T2, bà Trương Thu H2.

+ Buộc ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 trả cho Ngân hàng TMCP B tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 990.544.199 đồng, trong đó nợ gốc là 840.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9.709.969 đồng, nợ lãi quá hạn là 139.373.260 đồng, lãi phạt là 1.460.970 đồng.

+ Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 310 tờ bản đồ số 27 tại địa chỉ: tổ C, khu C, phường C, thành phố H, tỉnh Q (nay là tổ C, khu C, phường C, tỉnh Q) để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: B1 khởi kiện ông Nguyễn Đắc T2, bà Trương Thu H2 yêu cầu trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Ông T2 cư trú tại phường H, tỉnh Q, bà H2 cư trú tại phường H, tỉnh Q. B1 và bà H2 đều có đăng kí kinh doanh, ký hợp đồng tín dụng vì mục đích lợi nhuận, nên xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

- Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Nguyễn Đắc T2, bà Trương Thu H2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên theo quy định.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: tại phiên tòa, B1 rút yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 06/02/2024 giữa Ngân hàng TMCP B và ông Nguyễn Đắc T2, bà Trương Thu H2. Việc rút yêu cầu khởi kiện của B1 là tự nguyện, phù hợp với việc Hợp đồng tín dụng đã hết hạn từ tháng 02/2026. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu đã rút của B1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng:

Ngày 06/02/2024, Ngân hàng TMCP B với ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 ký Hợp đồng tín dụng số 0000428680/2024/HĐTD-BacABank thoả thuận hạn mức tín dụng B1 cho ông T2, bà H2 vay là 3.000.000.000đ (ba tỉ đồng); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cây cảnh; thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đến hết ngày 06/02/2025; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7,29%/năm; gốc trả cuối kì mỗi khế ước nhận nợ; lãi trả vào ngày mùng 10 hàng tháng. Theo đó, tại Khế ước nhận nợ số 02 ngày 11/7/2024 B1 cho ông T2, bà H2 vay số tiền là 840.000.000 đồng.

Xét điều khoản cấp tín dụng, mức lãi suất được B1 và ông T2, bà H2 thoả

thuận, ký kết tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đúng quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, B1 thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đủ số tiền cho vay, thời gian vay như đã thỏa thuận, nhưng ông T2, bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2026), ông T2, bà H2 còn nợ B1 số tiền là 990.544.199 đồng, trong đó nợ gốc là 840.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.709.969 đồng, nợ lãi quá hạn là 139.373.260 đồng, lãi phạt là 1.460.970 đồng.

Như vậy, ông T2, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Việc B1 khởi kiện buộc ông T2, bà H2 trả số nợ tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp:

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông T2, bà H2 là quyền sử dụng đất số 310 tờ bản đồ số 27 diện tích 137,19m², địa chỉ: tổ C, khu C, phường C, thành phố H, tỉnh Q (nay là tổ C, khu C, phường C, tỉnh Q) mang tên ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0000318187.1/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 29/9/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐ 01-0000368187/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 06/02/2024.

Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp được các bên ký trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, được đăng ký thế chấp theo quy định tại các Điều 295, 296, 298, 317, 319 Bộ luật Dân sự; Điều 4 Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp đảm bảo. Như vậy, hợp đồng thế chấp là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Như phân tích ở mục [2.1] quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T2 và bà H2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ ngân hàng. Căn cứ điểm 6.1.1 và 6.1.3 khoản 6.1 Điều 6 của hợp đồng thế chấp, B1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất trên để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định hết số 11.100.000 đồng. B1 đã tạm ứng số tiền này. Yêu cầu khởi kiện của B1 được chấp nhận nên ông T2, bà H2 có nghĩa vụ trả cho B1 số tiền xem xét thẩm định trên.

[4] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của B1 được chấp nhận, ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 phải chịu 41.716.325đ (bốn mươi một triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại B1 19.788.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 ; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; các Điều 116, 117, 119, 295, 296, 298, 317, 319, 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Điều 4 Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính Phủ; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số: 0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 06/02/2024 giữa Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q và ông Nguyễn Đắc T2, bà Trương Thu H2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B về việc:

Buộc ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số 0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 06/02/2024 và Khế ước nhận nợ số 02-0000428680/2024/HĐTD-BacABank.070 ngày 11/7/2024 tổng số tiền là 990.544.199đ (chín trăm chín mươi triệu lăm trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm chín mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 840.000.000đ (tám trăm bốn mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 9.709.969đ (chín triệu bảy trăm linh chín nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 139.373.260đ (một trăm ba mươi chín triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi đồng), lãi phạt là 1.460.970đ (một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

- Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 310 tờ bản đồ số 27 diện tích 137,19m², địa chỉ: tổ C, khu C, phường C, thành phố H, tỉnh Q (nay là tổ C, khu C, phường C, tỉnh Q) mang tên ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0000318187.1/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 29/9/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐ 01-0000368187/2022/HĐTC-BacABank.070 ngày 06/02/2024 đều ký giữa Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q và ông Nguyễn Đắc T2, bà Trương Thu H2. (có sơ đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất kèm theo và là phần không thể tách rời Bản án).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2026) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP B 11.100.000đ (mười một triệu một trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP B có đơn yêu cầu thi hành án, ông T2, bà H2 không trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đắc T2 và bà Trương Thu H2 phải chịu 41.716.325đ (bốn mươi một triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP B 19.788.000đ (mười chín triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000158 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hiền

